

Panasonic®

Hướng dẫn vận hành & lắp đặt

Máy giặt
(Dùng cho gia đình)

Số model. **NA-V10FX1 NA-V90FX1 NA-V80FX1**
NA-V10FG1 NA-V90FG1 NA-V80FB1



VI

Nội dung

Lưu ý về an toàn	2
Kiểm tra máy giặt	6
Trước khi giặt	7
Bảng điều khiển	8
Chất giặt tẩy	10
Giặt	12
Các chương trình giặt	14
Chi tiết chương trình	16
Mẹo giặt đồ	18
Thay đổi cài đặt chương trình	20
Thay đổi cài đặt thiết bị	26
Bảo dưỡng	27
Xử lý sự cố	31
Lỗi hiển thị	37
Chọn đúng chỗ	38
Di chuyển và Lắp đặt	39
Nối đường ống	41
Chạy thử	43
Thông số kỹ thuật	44

Cảm ơn quý khách đã mua sản phẩm.

- Xin vui lòng đọc kỹ các hướng dẫn này trước khi sử dụng để đảm bảo sản phẩm hoạt động tối ưu và an toàn nhất.
- Vui lòng cất giữ sách hướng dẫn này để tham khảo về sau.

Sản phẩm NA-V80FX1 sẽ không được bán tại thị trường Việt Nam.

AWW9901C5TC0-0C0



Lưu ý về an toàn

⚠ CẢNH BÁO

Có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong

Không để trẻ em tự ý sử dụng sản phẩm.



- Người dùng (bao gồm cả trẻ em) bị suy giảm về sức khỏe, giác quan hoặc tinh thần, hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức không được sử dụng sản phẩm, trừ khi họ được giám sát hoặc được hướng dẫn sử dụng bởi người chịu trách nhiệm cho sự an toàn của họ.
- Giám sát trẻ em, đề phòng trẻ đùa nghịch với sản phẩm.

Cài đặt khóa an toàn. (Tr. 26)



Giữ
trong
5 giây.

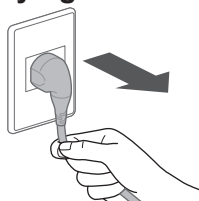


Có thể gây hỏa hoạn hoặc điện giật

Không chạm khi tay ướt.



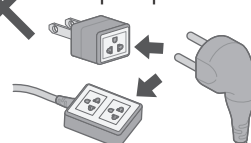
Không cầm hoặc kéo dây nguồn.



Không sử dụng.

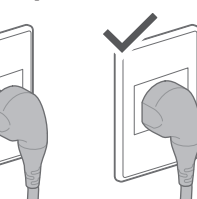


Khớp nối phích cắm



Dây nguồn nối dài

Cắm chặt.



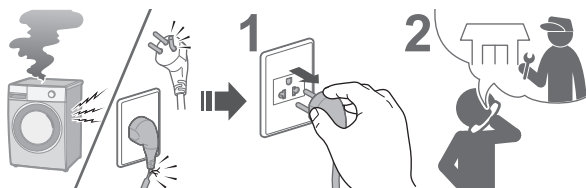
Không sử dụng.



Hư hỏng

- Để tránh nguy hiểm, dây nguồn hỏng phải do nhà sản xuất, trung tâm dịch vụ hoặc người có chuyên môn thay thế.

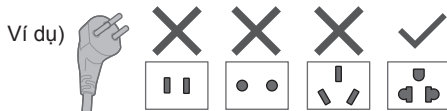
Trong trường hợp dây nguồn bị hư hỏng hoặc trục trặc, ngừng sử dụng và liên hệ kỹ thuật viên điện.



Cắm chân nối đất thật chắc chắn. Yêu cầu kỹ thuật viên điện cung cấp một ổ cắm mới.

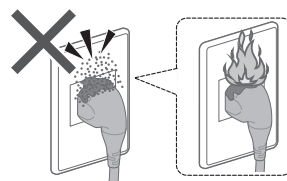


Sử dụng ổ cắm thích hợp cho thiết bị này.



- Hình dáng phích cắm thay đổi theo từng khu vực.

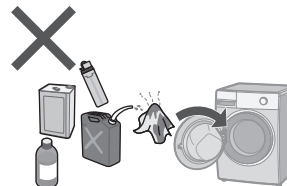
Bụi bẩn tích tụ có thể gây hỏa hoạn.



Vệ sinh phích cắm định kỳ.



Đặt các vật liệu dễ cháy cách xa máy giặt.



Có thể gây hỏng hóc

Không tự ý tháo dỡ, sửa chữa hoặc chỉnh sửa máy giặt.



Lưu ý về an toàn (tiếp)

⚠ CẢN THẬN

Có thể gây thương tích

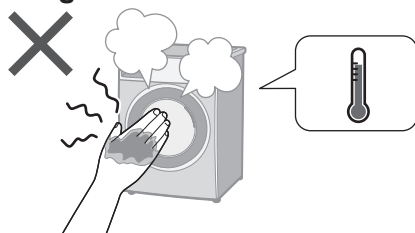
Cẩn thận, tránh để ngón tay bị kẹp khi mở hoặc đóng nắp đây.



Không leo lên thiết bị.



Không chạm khi máy đang nóng.

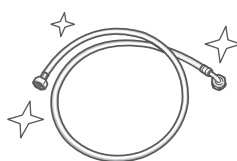


Có thể gây rò rỉ nước

Khóa vòi nước sau khi giặt xong.



Sử dụng bộ ống nước mới.

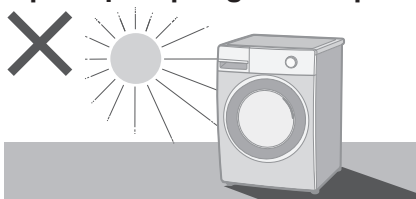


- Phải sử dụng bộ ống nước mới kèm theo sản phẩm, không sử dụng lại bộ ống nước cũ.

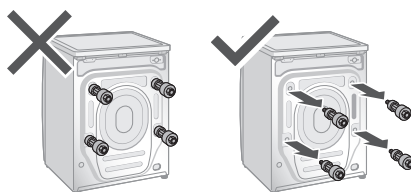
■ Để biết khối lượng quần áo khô tối đa và áp suất nước máy, xem Tr. 44.

Có thể gây hỏng hóc

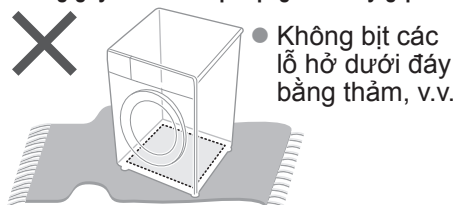
Đặt xa nơi có ánh nắng mặt trời trực tiếp hoặc nguồn nhiệt.



Tháo các bulông neo bộ máy trước khi vận hành.



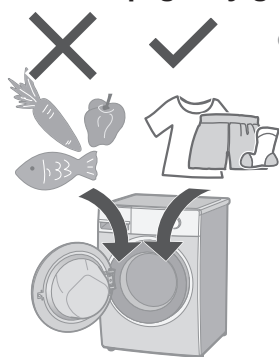
Không gây cản trở hoạt động của máy giặt.



Không kết nối với nguồn nước nóng.



Chỉ sử dụng máy giặt cho các đồ vật có thể giặt máy.



- Thiết bị này được chủ định để sử dụng trong gia đình. Thiết bị này không được chủ định để sử dụng trong các trường hợp như:
 - khu vực bếp nhân viên trong các cửa hàng, văn phòng và môi trường làm việc khác;
 - nhà ở trang trại;
 - bởi khách hàng trong khách sạn, nhà nghỉ và các loại hình cư trú khác;
 - môi trường kiểu phục vụ ăn uống suốt đêm và bữa sáng;
 - khu vực dùng chung trong các khối căn hộ hoặc trong phòng giặt ủi.

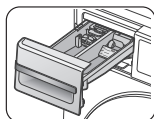
Không giặt các quần áo dính quá nhiều dầu mỡ.



Kiểm tra máy giặt

Tên các bộ phận

Ngăn đựng bột giặt (Tr. 10)



Bảng điều khiển
(Tr. 8)

Cửa

Lồng giặt

Bản lề

Mép cửa

Chân điều
chỉnh được
(Tr. 40)

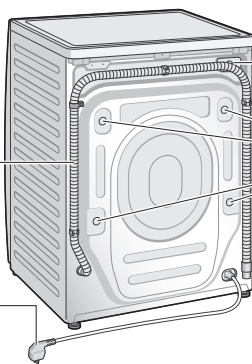
Nắp bộ lọc
nước xả
(Tr. 30)

Ống xả
(Tr. 41, 42)

Đường nước
vào (Tr. 42)

Bulông neo bệ máy
(Tr. 40)

Dây điện và phích cắm*
*Hình dạng phích cắm
thay đổi theo khu vực.



Phụ kiện

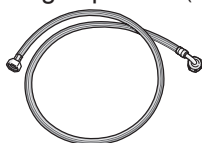
☐ Đoạn cong (Tr. 42)



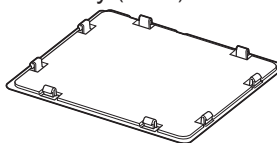
☐ Nắp phủ (4) (Tr. 40)



☐ Ống cấp nước (Tr. 41, 42)



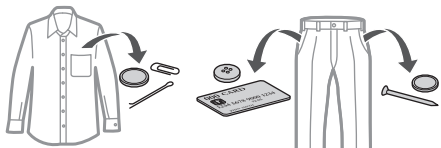
☐ Tấm đáy (Tr. 39)



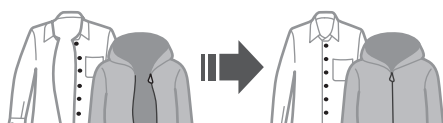
Trước khi giặt

Chuẩn bị giặt ủi

Kiểm tra trước khi giặt



- Xem kỹ nhãn hướng dẫn chăm sóc quần áo.



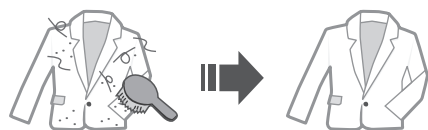
- Xử lý sơ bộ các chỗ vết bẩn nặng.



Lộn trái



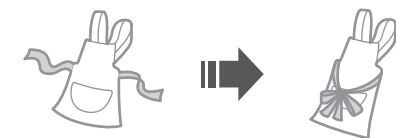
Quần áo có khả năng bị xoắn



LƯU Ý

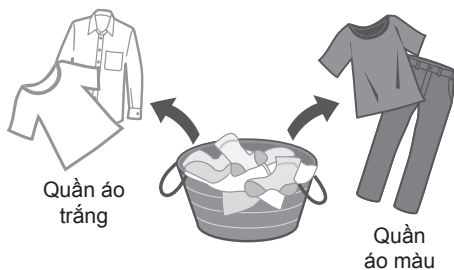
V10FX1 V90FX1 V80FX1 V10FG1 V90FG1

- Khuyến cáo nên sử dụng các chương trình “Bùn đất / Nước sốt / Cỏ và tay áo” (Tr. 15) để loại bỏ các vết bẩn.



Tã giấy

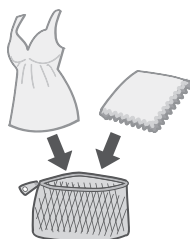
Giặt riêng



Quần áo trắng

Quần áo màu

Dùng lưới giặt cho các loại quần áo mỏng nhẹ, dễ hỏng

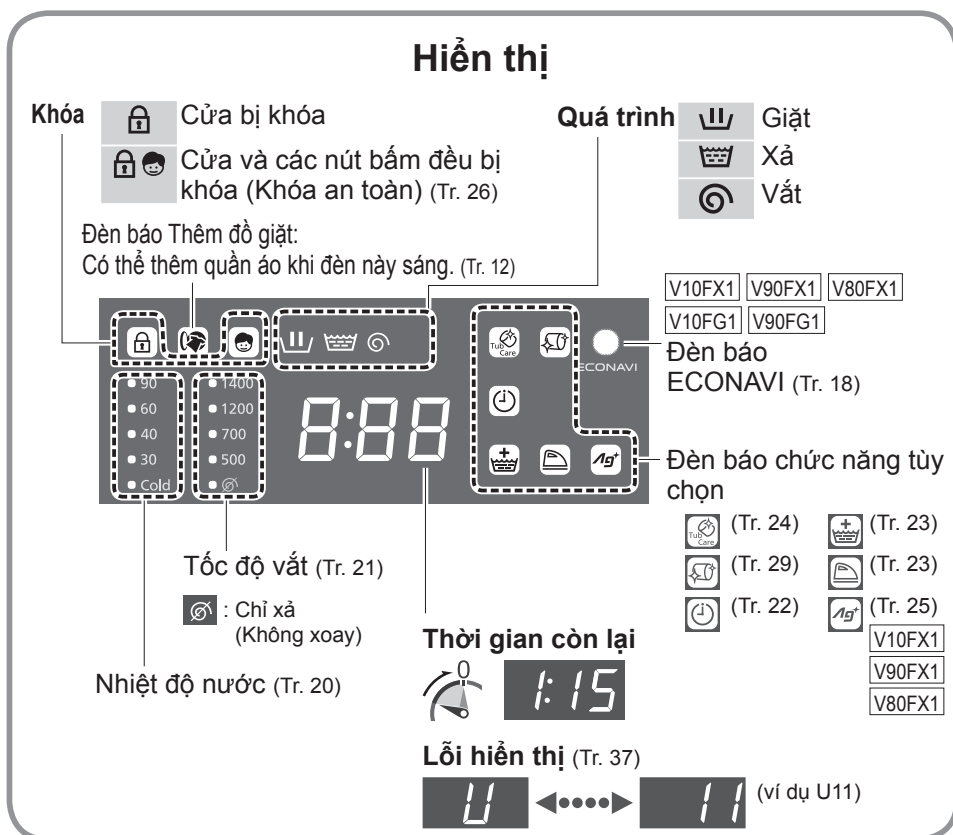


Nhét quá nhiều



Bảng điều khiển

- Hình ảnh trong các hướng dẫn này là của thiết bị NA-V10FX1, trừ khi có quy định khác.



■ NA-V10FG1/NA-V90FG1

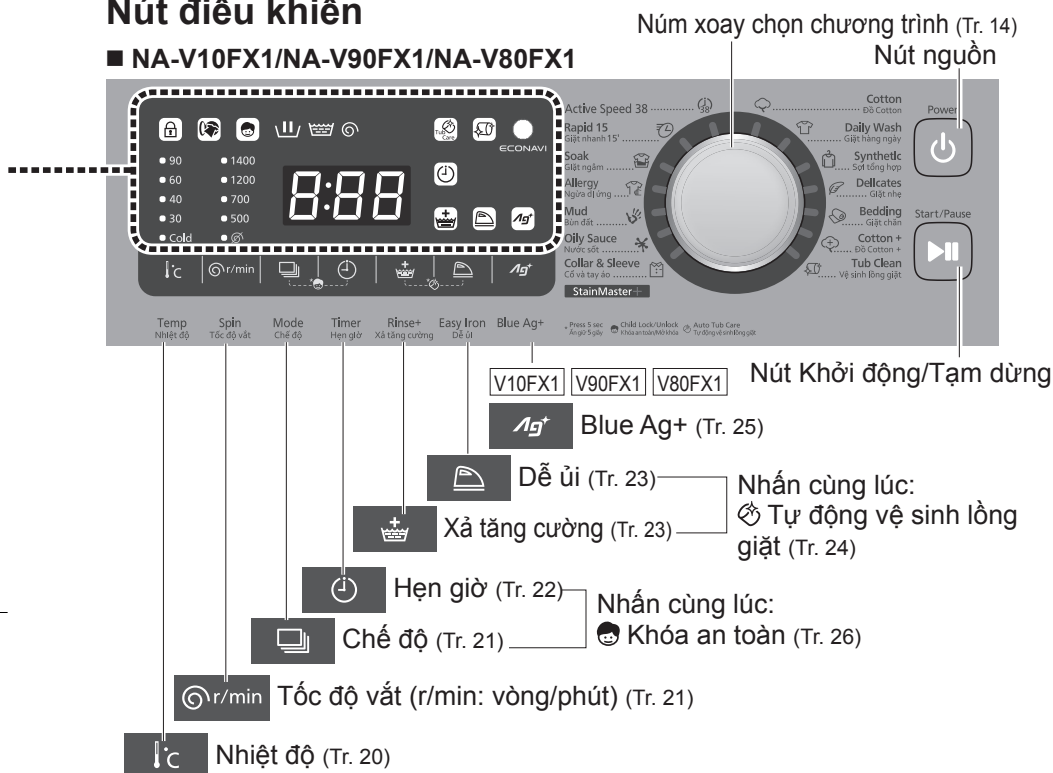


Tự động vệ sinh lồng giặt (Tr. 24)

■ NA-V80FB1



■ NA-V10FX1/NA-V90FX1/NA-V80FX1



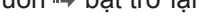
Thao tác cảm ứng

Các nút vận hành đều là loại cảm ứng điện dung (Ngoại trừ  / ).

- Nếu nước, chất giặt tẩy hoặc nước xả dính vào, hãy tắt và lau bằng khăn, v.v. ngay lập tức. (Nguyên nhân sự cố)



LƯU Ý

- **Tắt nguồn ➡ bật trở lại**

Tắt 3 giây Bật
- **Không vận hành ➡ tự động tắt nguồn**

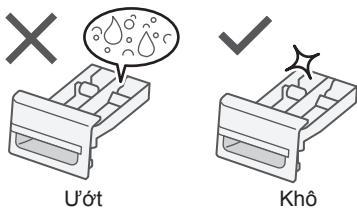
Bật 10 phút Tự động tắt nguồn
- **Trong trường hợp mất điện**
➡ Khi có điện trở lại, máy sẽ tiếp tục vận hành từ nơi đã dừng lại. (Tự khởi động lại)

Chất giặt tẩy

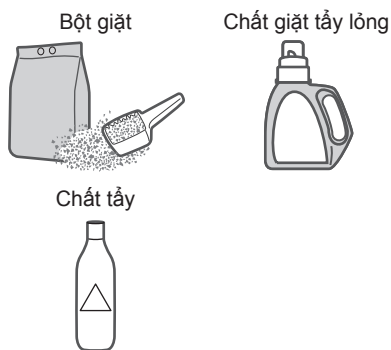
Chất giặt tẩy

Sử dụng chất giặt tẩy ít bột.

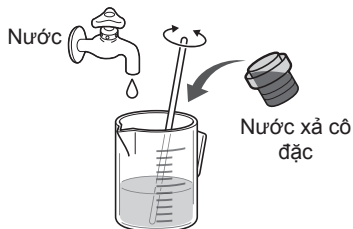
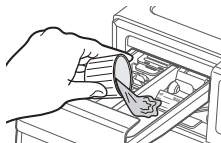
- Để ngăn chất giặt tẩy còn đọng lại trong ngăn đựng bột giặt:



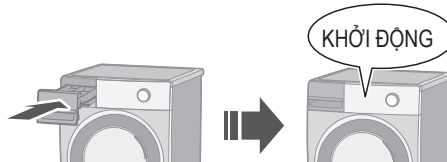
Chất giặt tẩy



Nước xả

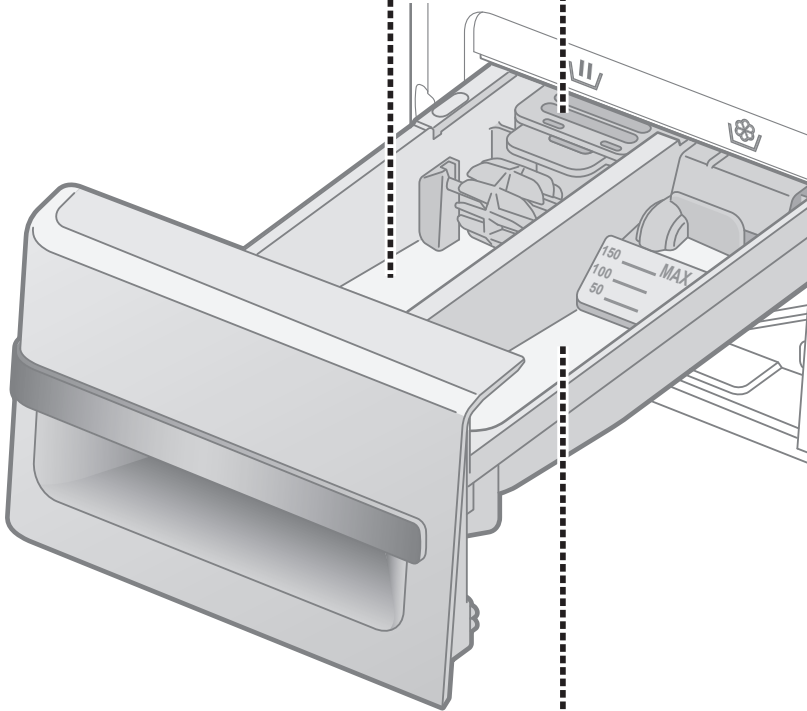


LƯU Ý



Bộ phận Ag+ (Tr. 25, 29)

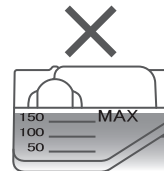
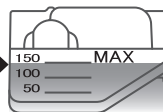
V10FX1 V90FX1 V80FX1



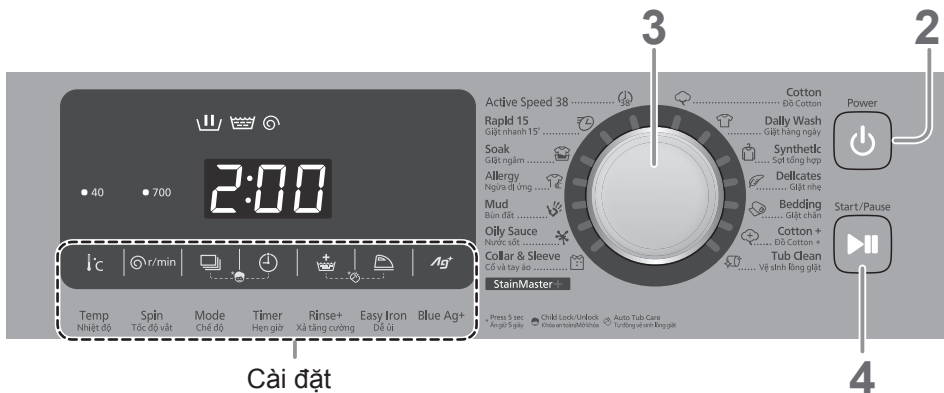
Nước xả



Tối đa 150 ml



Giặt Phương pháp cơ bản



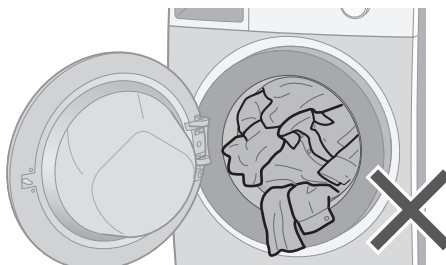
Cài đặt

LƯU Ý

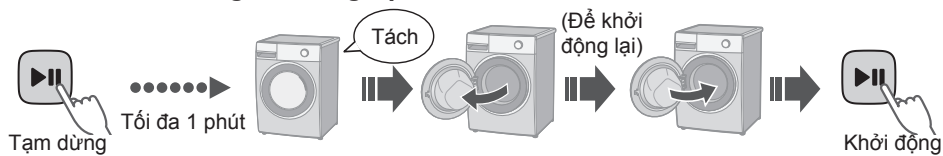
■ Không để đồ giặt bị vướng vào cửa.

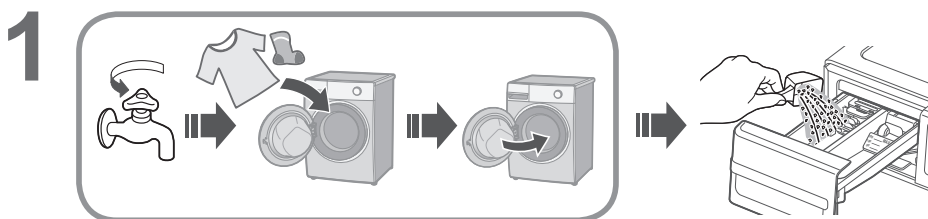


■ Không bỏ quá nhiều đồ giặt vào lồng giặt.



■ Để mở cửa trong khi đang vận hành





■ Thay đổi cài đặt.



Đo lường đồ giặt



(30 giây)

● Ngoại trừ các chương trình không cân (Tr. 14)



Hiển thị thời gian cần thiết
(được tính toán lại)

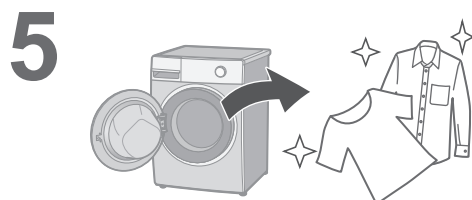


(Ví dụ)



Cài đặt

Nhiệt độ (Tr. 20)	Tốc độ vắt (Tr. 21)	Ché độ (Tr. 21)	Hẹn giờ (Tr. 22)
Xả tăng cường (Tr. 23)	Dể ủi (Tr. 23)	Blue Ag+ V10FX1 V90FX1 V80FX1 (Tr. 25)	Tự động vệ sinh lồng giặt (Tr. 24)



Các chương trình giặt

Chương trình	Mô tả	Khối lượng giặt tối đa (kg)				Tổng thời gian
		V10FX1/ V10FG1	V90FX1/ V90FG1	V80FX1	V80FB1	
 Đồ Cotton	Quần áo hàng ngày 	10,0	9,0	8,0		2:30
 Giặt hàng ngày	Quần áo hàng ngày (Nhanh hơn chương trình “Đồ Cotton”) 	10,0	9,0	8,0		1:25
 Sợi tổng hợp	Sợi hóa học 		5,0			1:05
 Giặt nhẹ	Giặt nhẹ nhàng 		2,0			0:50
 Giặt chăn	Các đồ giặt lớn 		3,0			1:30
 Đồ Cotton +	Tiết kiệm nước và điện 	10,0	9,0	8,0		3:30
 Vệ sinh lồng giặt	Vệ sinh lồng giặt. 		Không			3:45

- **Tổng thời gian chỉ là tương đối** (Khi lưu lượng cấp nước tiêu chuẩn là 15 L/phút). Đối với nhiệt độ nước mặc định của mỗi chương trình.
- Các chương trình mà khối lượng giặt không được cân sau khi nhấn “Khởi động/Tạm dừng”: Sợi tổng hợp, Giặt nhẹ, Giặt chăn, Giặt nhanh 15'

Chương trình	Mô tả	Khối lượng giặt tối đa (kg)				Tổng thời gian
		V10FX1/ V10FG1	V90FX1/ V90FG1	V80FX1	V80FB1	
 Active Speed 38	Lượng nhỏ đồ giặt 	5,0				0:38
 Giặt nhanh 15'	Lượng nhỏ đồ giặt ít bẩn 	2,0				0:15
 Giặt ngâm	Quần áo bẩn nhiều 	5,0				2:00
 Ngừa dị ứng	Dành cho ve bét và phấn hoa 	10,0	9,0	8,0		2:10
 Bùn đất		10,0	9,0	8,0	-	3:25
 Nước sốt		10,0	9,0	8,0	-	3:00
 Cổ và tay áo		10,0	9,0	8,0	-	3:15
 Giặt tăng cường	Giặt mạnh 	-			8,0	3:25

LƯU Ý

- Đối với đồ giặt bị bẩn bình thường có dung tích định mức, khuyến cáo nên sử dụng chương trình “Đồ Cotton +” với nước 60 °C.

Chi tiết chương trình

Cài đặt Chương trình	Chế độ có sẵn		Cài đặt tự động		
	V10FX1/V10FG1/ V90FX1/V90FG1/ V80FX1	V80FB1	Nhiệt độ (°C)	Tốc độ vắt (r/min)	
 Đồ Cotton	✓	✓	40	1200	
 Giặt hàng ngày	✓	✓	40	1200	
 Sợi tổng hợp	✓	✓	30	700	
 Giặt nhẹ	✓	✓	30	500	
 Giặt chăn	✓	✓	Cold	700	
 Đồ Cotton +	✓	✓	40	1400	
 Vệ sinh lồng giặt	✓	✓	40	1200	
 Active Speed 38	✓	✓	40	1200	
 Giặt nhanh 15'	✓	✓	Cold	1200	
 Giặt ngâm	✓	✓	40	1200	
 Ngừa dị ứng	✓	✓	90	1200	
 Bùn đất	✓	—	40	1200	
 Nước sôi	✓	—	40	1200	
 Cổ và tay áo	✓	—	40	1200	
 Giặt tăng cường	—	✓	40	1200	

“Cold” có nghĩa là “Nước lạnh”.

Phạm vi cài đặt		Chức năng tùy chọn				
Nhiệt độ (°C)	Tốc độ vắt (r/min)	Hẹn giờ	Xả tăng cường	Dễ ủi	Blue Ag+	Tự động vệ sinh lồng giặt
Cold, 30, 40, 60	 , 500, 700, 1200, 1400	✓	✓	✓	✓	✓
Cold, 30, 40, 60	 , 500, 700, 1200, 1400	✓	✓	✓	✓	✓
Cold, 30, 40	 , 500, 700, 1200	✓	✓	✓	✓	✓
Cold, 30, 40	 , 500	—	✓	—	✓	—
Cold, 30	 , 500, 700	✓	✓	—	✓	—
Cold, 30, 40, 60	 , 500, 700, 1200, 1400	✓	✓	✓	✓	✓
40	1200	—	—	—	—	—
Cold, 30, 40	 , 500, 700, 1200, 1400	✓	—	✓	✓	✓
Cold	 , 500, 700, 1200	✓	—	—	—	—
Cold, 30, 40	 , 500, 700, 1200, 1400	✓	✓	✓	✓	✓
60, 90	 , 500, 700, 1200	✓	✓	✓	—	✓
40	 , 500, 700, 1200, 1400	✓	✓	✓	✓	✓
40	 , 500, 700, 1200, 1400	✓	✓	✓	✓	✓
40	 , 500, 700, 1200, 1400	✓	✓	✓	✓	✓
40	 , 500, 700, 1200, 1400	✓	✓	✓	—	✓

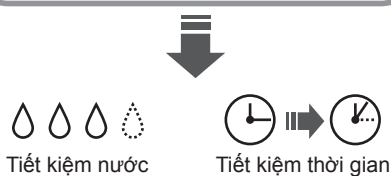
Blue Ag+:
V10FX1 / V90FX1 / V80FX1

Mẹo giặt đồ

ECONAVI

V10FX1 V90FX1 V80FX1 V10FG1 V90FG1

- Chỉ chương trình “Đồ Cotton”



Chỉ báo đèn

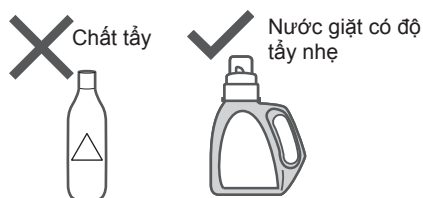
- ECONAVI Đang dò tìm
- ECONAVI Đã bật ECONAVI
- ECONAVI Đã tắt ECONAVI

Giặt nhẹ

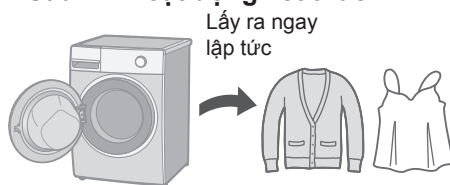
Khi giặt

- Để xả hoàn toàn, hãy dùng chức năng “Xả tăng cường”. (Tr. 23)

LƯU Ý



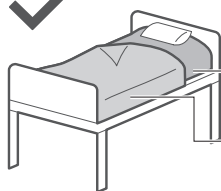
Sau khi hoạt động kết thúc



Giặt chăn

■ Các đồ giặt được

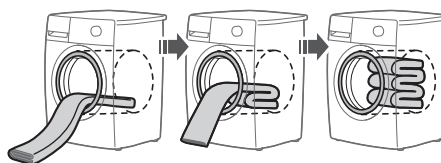
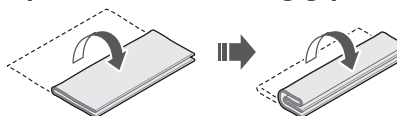
-  (Giặt)
-  (Giặt tay)
- 100 % cotton hoặc 100 % sợi tổng hợp



Tấm trải giường, khăn trải giường, tấm lót

Chăn mền

■ Đặt chăn mền vào lồng giặt



■ Các đồ không giặt được



Chăn điện



Len



Lụa

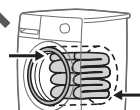
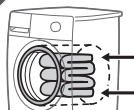


Lông cừu dài

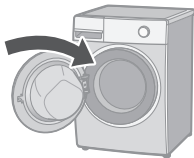


Lông thú nhân tạo

LƯU Ý



LƯU Ý



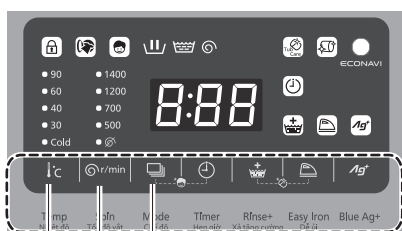
Thay đổi cài đặt chương trình

■ Chuẩn bị

- Sắp xếp đồ giặt và cho vào lồng giặt. (Tr. 7)
- Thêm chất giặt tẩy. (Tr. 10)



3 Thay đổi các cài đặt của chương trình.

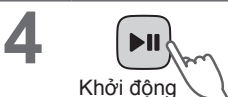


 **Chế độ**

 **Tốc độ vắt**

 **Nhiệt độ**

- Các tùy chọn có sẵn và phạm vi cài đặt sẽ khác nhau tùy thuộc vào chương trình. (Tr. 16)
- Một âm báo nếu bạn lựa chọn một tùy chọn không thể sử dụng được.



l°c Nhiệt độ

Thay đổi nhiệt độ giặt.



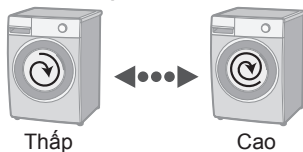
■ Hướng dẫn cài đặt

 Thấp	 Cao
● Màu 	● Trắng 
● Ít bẩn 	● Bẩn nặng 
● Chất liệu dễ co rút	● Đồ Cotton

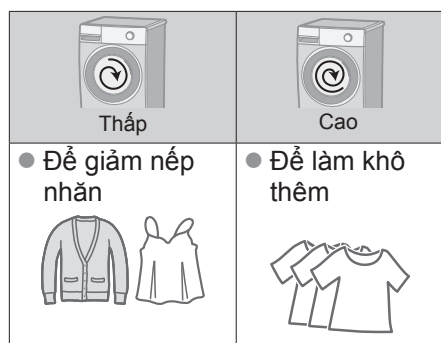


r/min **Tốc độ vắt**

Thay đổi tốc độ vắt.



■ Hướng dẫn cài đặt



3  r/min (Tr. 17)

■ Để thay đổi cài đặt khi đang giặt



1 
Tạm dừng

2  r/min

3 
Khởi động

Chế độ

Chọn một kết hợp giặt, xả và vắt.



3 

 *1	Giặt
 *2	Xả
 *2	Vắt
 	Giặt và xả
 	Giặt và vắt
  *2	Xả và vắt

*1 Nước sẽ được xả hết sau quá trình giặt.

*2 Trước tiên hãy xả nước nếu trong lồng giặt vẫn còn nước.

Thay đổi cài đặt chương trình (tiếp)

■ Chuẩn bị

- Sắp xếp đồ giặt và cho vào lồng giặt. (Tr. 7)
- Thêm chất giặt tẩy. (Tr. 10)



3 Thay đổi các cài đặt của chương trình.

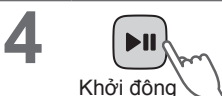


Hẹn giờ 

Xả tăng cường 

Để ủi 

- Các tùy chọn có sẵn và phạm vi cài đặt sẽ khác nhau tùy thuộc vào chương trình. (Tr. 16)
- Một âm báo nếu bạn lựa chọn một tùy chọn không thể sử dụng được.



Hẹn giờ

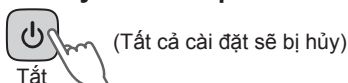
Thiết lập máy để kết thúc vận hành sau bao nhiêu giờ. (Tối đa 24 giờ)



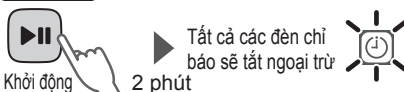
■ Để kiểm tra giờ cài sẵn



■ Để hủy các cài đặt



LƯU Ý



✗ Không thể sử dụng các chương trình sau:

-  Giặt nhẹ
-  Vệ sinh lồng giặt

Xả tăng cường

Thêm một lần xả nữa.



Dễ ủi

Vắt khô nhẹ nhàng (ở tốc độ 700 r/min trở xuống) giúp ủi dễ dàng hơn.



3



3



■ Để thay đổi cài đặt khi đang giặt



1



Tạm dừng

2



3



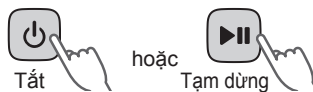
Khởi động

LƯU Ý

- Sau khi hoạt động kết thúc
Xoay vòng không liên tục



(Để lấy đồ giặt ra trong khi đang vận hành)



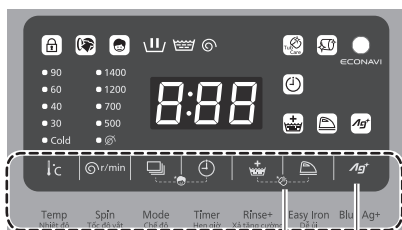
Thay đổi cài đặt chương trình (tiếp)

■ Chuẩn bị

- Sắp xếp đồ giặt và cho vào lồng giặt. (Tr. 7)
- Thêm chất giặt tẩy. (Tr. 10)



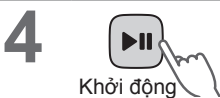
3 Thay đổi các cài đặt của chương trình.



Tự động vệ sinh lồng giặt

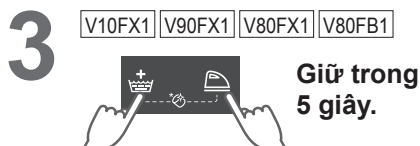
Blue Ag+

- Các tùy chọn có sẵn và phạm vi cài đặt sẽ khác nhau tùy thuộc vào chương trình. (Tr. 16)
- Một âm báo nếu bạn lựa chọn một tùy chọn không thể sử dụng được.



Tự động vệ sinh lồng giặt

Thêm quá trình vệ sinh lồng giặt.



V10FG1 V90FG1



 **Đèn tắt (Tắt)**

 **Đèn sáng (Bật)**

Ag+ Blue Ag+

V10FX1 | V90FX1 | V80FX1

Chức năng diệt khuẩn (Tối đa 3 kg).



3



Đèn tắt
(Tắt)



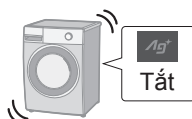
Đèn sáng
(Bật)

■ Tuổi thọ cho bộ phận Ag+

- “Blue Ag+” sẽ hoạt động được khoảng 300 đến 350 lần (khoảng 7 năm nếu dùng mỗi tuần một lần).
- Thay hộp này khi thành phần bên trong giảm.

● Thay thế
⇒ (Tr. 29)

● Giặt không “Ag+”

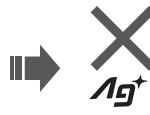


LƯU Ý

- Không sử dụng nước cho các mục đích khác.

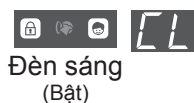
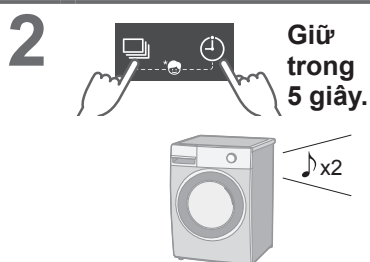
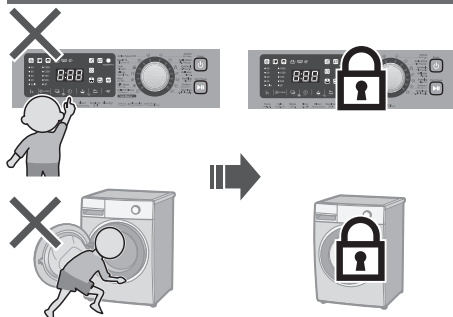


- Các loại quần áo, chất giặt tẩy, nước xả và độ cứng của nước có thể ảnh hưởng đến kết quả.
- Ngừng sử dụng nếu bị ngứa, v.v.



Thay đổi cài đặt thiết bị

Cài đặt Khóa an toàn



■ Để hủy bỏ:

Quy trình tương tự



Hủy bỏ còi báo



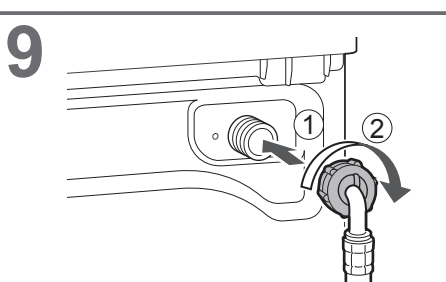
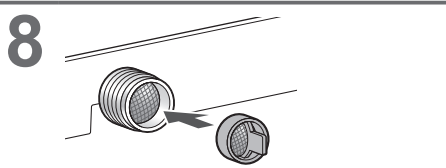
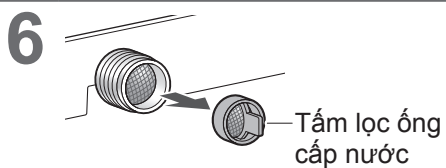
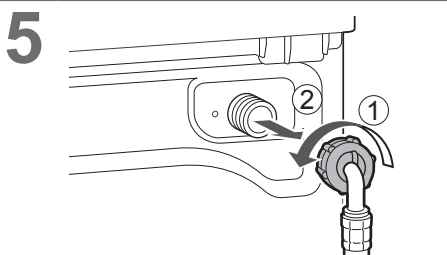
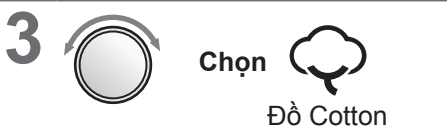
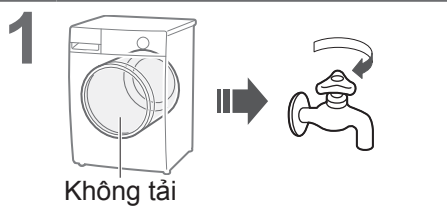
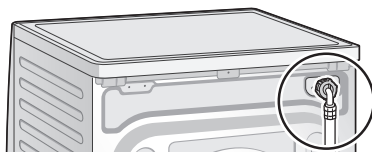
■ Để đặt lại:

Quy trình tương tự

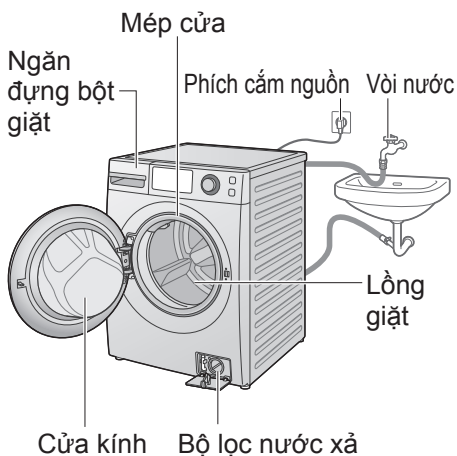
Bảo dưỡng

Tắm lọc ống cấp nước

Nếu nước không chảy đều

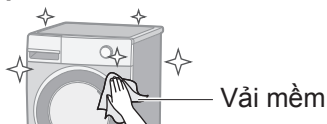


Bảo dưỡng (tiếp)

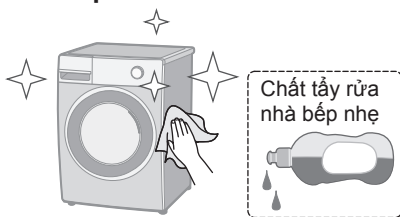


Thiết bị

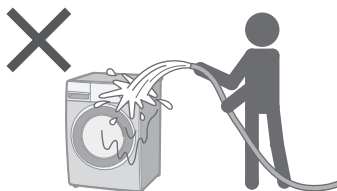
■ Mép cửa và cửa kính



■ Thiết bị

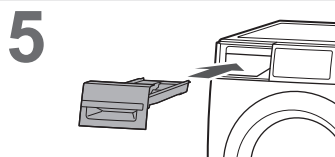
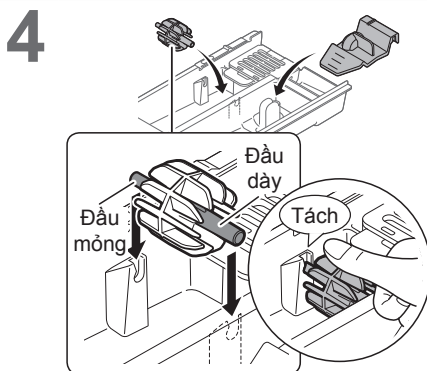
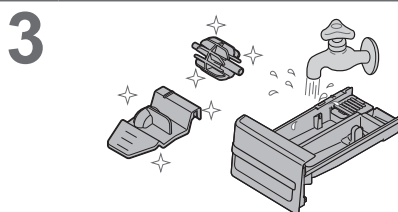
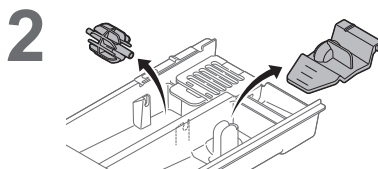
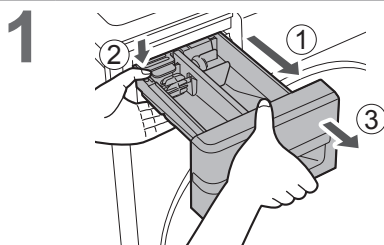


LƯU Ý



- Không sử dụng chất tẩy rửa hoặc dung môi có hạt cứng, hoặc các sản phẩm có chứa cồn hoặc dầu parafin.

Ngăn đựng bột giặt

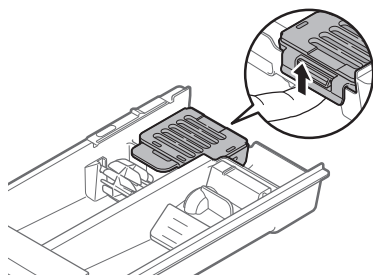


Nếu các thành phần bên trong giảm

■ **Thay đổi bộ phận Ag+**

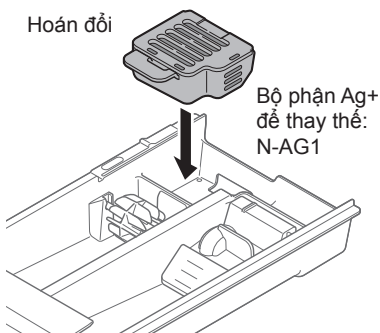
V10FX1 V90FX1 V80FX1

1



2

Hoán đổi



LƯU Ý

- Bạn không thể mở hộp của bộ phận Ag+.

Lồng giặt

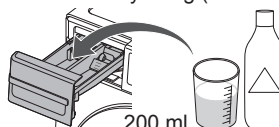
Mỗi tháng một lần hoặc nếu nhấp nháy <Vệ sinh lồng giặt>

1



2

Chất tẩy trắng (thuốc tẩy clo)



3



Không tải



4



Chọn



5



Đầy nước



6



Xấp xỉ 3:45



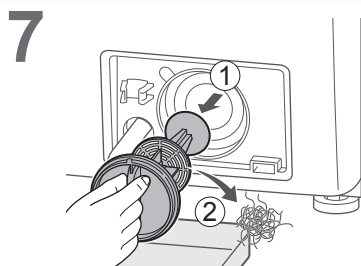
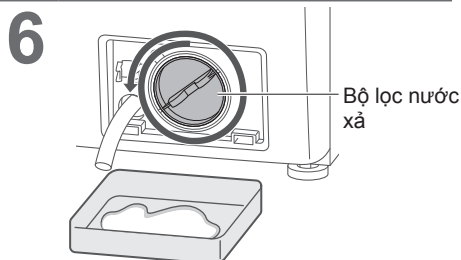
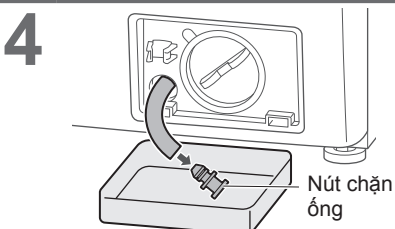
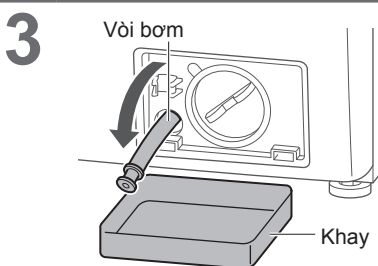
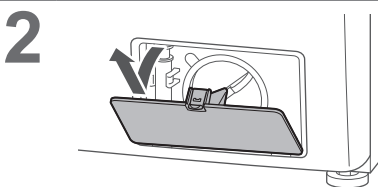
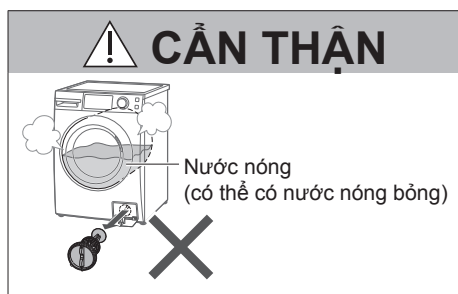
LƯU Ý

- Nếu chương trình “Vệ sinh lồng giặt” không chạy, đèn chỉ báo sẽ tắt khi chương trình khác chạy 3 lần.

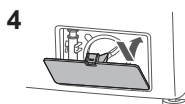
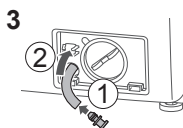
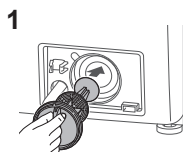
Bảo dưỡng (tiếp)

Bộ lọc nước xả

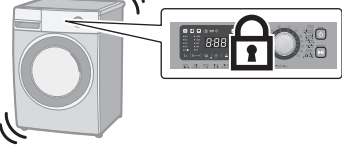
Đảm bảo đã xả hết nước trong lồng giặt trước quy trình này.



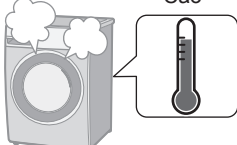
8 Thay thế

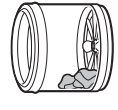
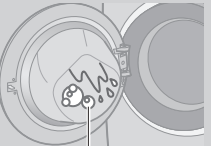


Xử lý sự cố

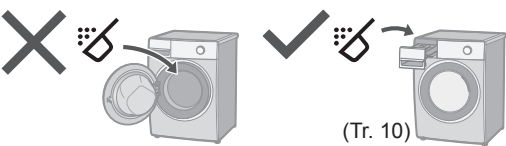
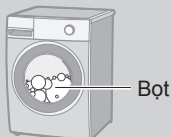
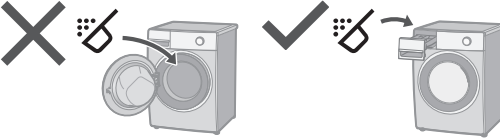
	Hiện tượng	Điểm cần kiểm tra
Máy chính	Nhấn các nút  Không có phản ứng 	☐ Nguyên nhân có thể - Trong một hoạt động  ☐ Thử - Khóa an toàn (Tr. 26) 
	Không vận hành 	☐ Kiểm tra - Mất điện - Hẹn giờ  ☐ Thử - Đóng cửa. - Mở nước - Rút phích cắm và cắm lại. - Nhấn "Khởi động". - Bật cầu dao lên. 
	Mùi cao su 	☐ Nguyên nhân có thể Các bộ phận cao su  Theo thời gian  Không còn mùi  ☐ Thử Vệ sinh lồng giặt (Tr. 29) 

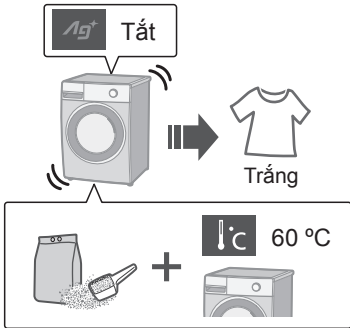
Xử lý sự cố (tiếp)

	Hiện tượng	Điểm cần kiểm tra
Máy chính	Cửa không mở 	☐ Nguyên nhân có thể Trong một hoạt động  Cửa bị khóa (Tr. 12)
		☐ Kiểm tra - Nhiệt độ  Cao - Mức nước  Cao
		☐ Thử - Khóa an toàn (Tr. 26)  - Trong một hoạt động 1  Tắt 2  Bật 3  Vắt (Tr. 21) 4  Mở
		LƯU Ý  Mất điện  Có điện lại Cửa bị khóa  Cửa bị khóa  Cửa bị khóa 

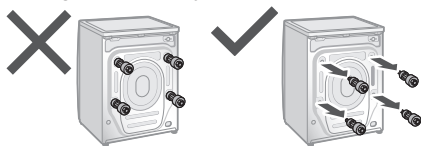
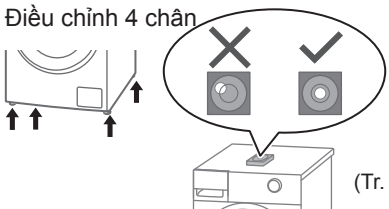
	Hiện tượng	Điểm cần kiểm tra
Giặt	Trong khi giặt  Xả nước 	☐ Nguyên nhân có thể Bột quá nhiều  Bột Chức năng phát hiện bột  Tự động xả nước 
	Trong quá trình vắt  Dừng  Quay một vài lần	☐ Nguyên nhân có thể Không đồng đều  Đồng đều  Tự động chỉnh ☐ Thử Quá nhẹ  Thêm 1 hoặc 2  Khăn tắm
Xả/Vắt	Sau khi giặt  Bột hoặc nước	☐ Thử Lau  
	Vắt thay đổi sang xả  Vắt  Xả	☐ Nguyên nhân có thể Nếu quần áo không đồng đều, máy giặt sẽ tự động lấy lại trạng thái cân bằng/đồng đều bằng cách quay về quy trình xả.  

Xử lý sự cố (tiếp)

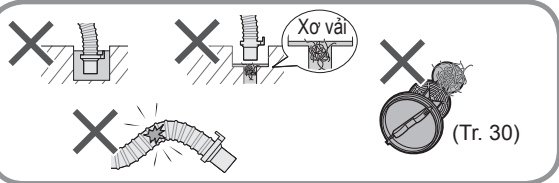
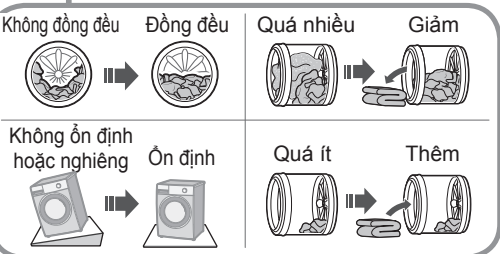
	Hiện tượng	Điểm cần kiểm tra
Chất giặt tẩy và bột	Sau khi giặt 	☐ Kiểm tra  (Tr. 10)
		☐ Nguyên nhân có thể • Lượng bột sẽ khác nhau. • Nhiệt độ • Mức nước • Độ mềm của nước 
	Không đủ 	☐ Kiểm tra • Bột giặt Bỏ vào ngăn đựng bột giặt. (Tr. 10) 
	Quá nhiều 	☐ Kiểm tra • Quá nhiều chất giặt tẩy • Chất giặt tẩy ít bột • Bẩn nhiều • Tải quá lớn 

	Hiện tượng	Điểm cần kiểm tra
Đồ giặt	Nếu đồ giặt màu vàng  Vàng	☐ Thử 
Thời gian	Trong khi giặt Thời gian hiển thị 0:57 ... 0:59 Thay đổi	☐ Nguyên nhân có thể - Thời gian còn lại được điều chỉnh trong quá trình hoạt động.  Xấp xỉ Đã điều chỉnh - Nếu cài đặt thay đổi - Nếu quần áo không đồng đều  ⇒ Thời gian còn lại có thể tăng lên.
Tiếng ồn	Trong khi xả nước 	☐ Nguyên nhân có thể Điều này là bình thường. Bơm thoát nước đang hoạt động.
	Tiếng quạt quay 	☐ Nguyên nhân có thể Điều này là bình thường. Quạt này sẽ làm mát các bộ phận điện.

Xử lý sự cố (tiếp)

	Hiện tượng	Điểm cần kiểm tra
Tiếng ồn	Tiếng ồn (hoặc rung) bất thường 	☐ Kiểm tra ● Các vật kim loại  ● Bulông neo bộ máy (Tr. 40)  ● Độ dốc hoặc bề mặt không ổn định  ● Điều chỉnh 4 chân  (Tr. 40)
Khác	Mất điện  Cầu dao Tắt 	☐ Nguyên nhân có thể ● Khi có điện trở lại, máy sẽ tiếp tục vận hành từ nơi đã dừng lại. 

Lỗi hiển thị

Lỗi hiển thị	Điểm cần kiểm tra		
U 11 Không thể xả nước	1 Kiểm tra 	2 	3  Khởi động
	 (Tr. 30)		
U 12 Cửa đang mở	1 	2  Khởi động	
U 13 Không thể vắt khô	1 Kiểm tra	2 	3  Khởi động
			
U 14 Không thể cấp nước	1 Kiểm tra	2 	3  Khởi động
	 Tắm lọc ống cấp nước (Tr. 27)		
H 00	1 	2 	3 

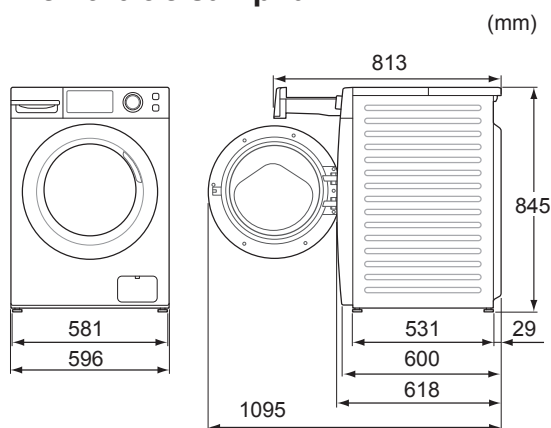
Chọn đúng chỗ



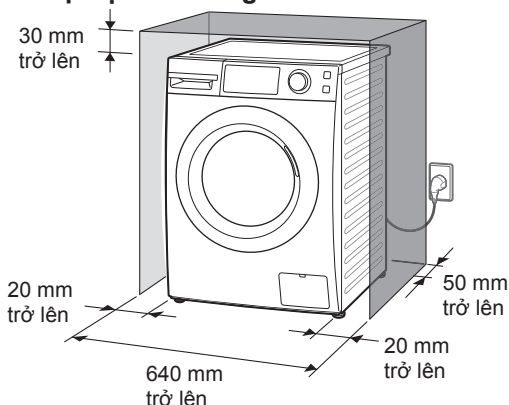
Đảm bảo yêu cầu nhân viên bảo trì cho việc lắp đặt.

- Không tự mình lắp đặt thiết bị này.
- Làm theo phương pháp lắp đặt này. Nếu không, Panasonic sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tai nạn hoặc thiệt hại nào.

Kích thước sản phẩm

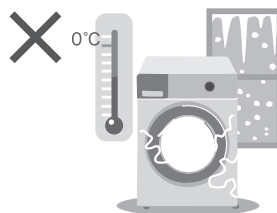


■ Lắp đặt vào trong



- Không để các bộ phận kim loại của thiết bị tiếp xúc với bồn kim loại hoặc các thiết bị khác.

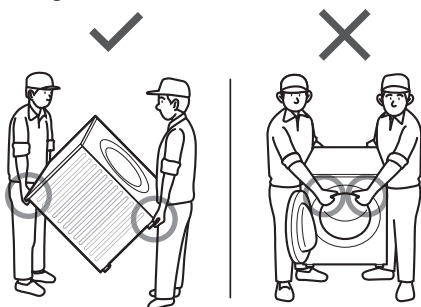
Kiểm tra vị trí.



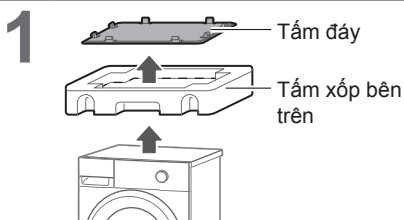
Di chuyển và Lắp đặt

Vận chuyển thiết bị

Không thực hiện một mình.

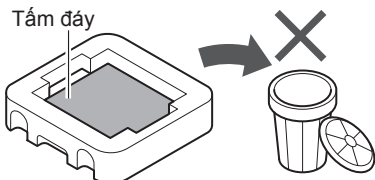


Lắp đặt tấm đáy

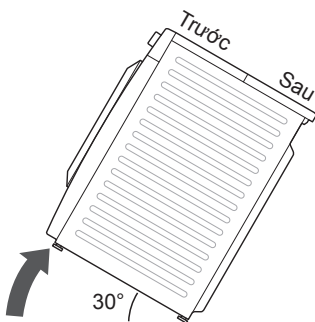


LƯU Ý

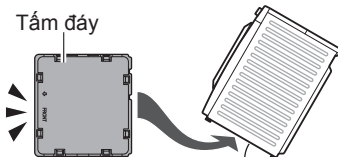
Tấm đáy



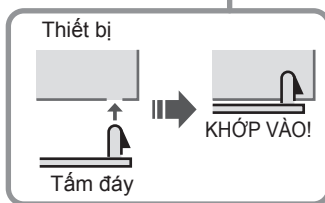
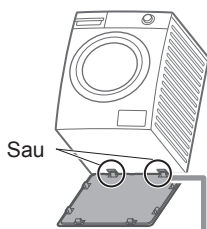
2



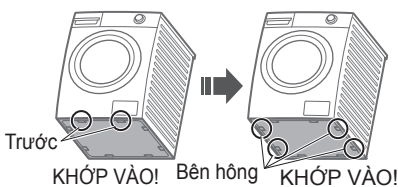
3



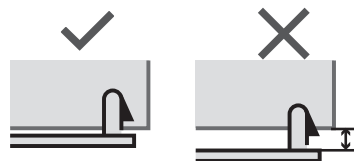
4



5

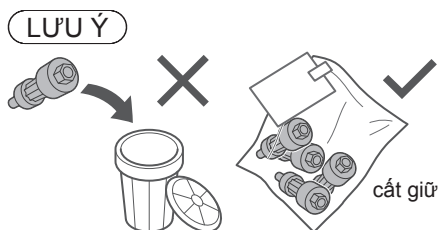
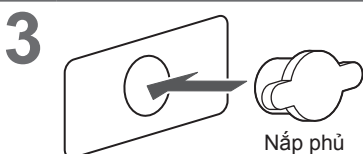
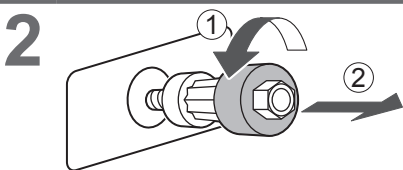
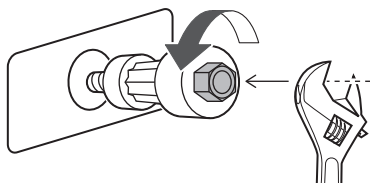
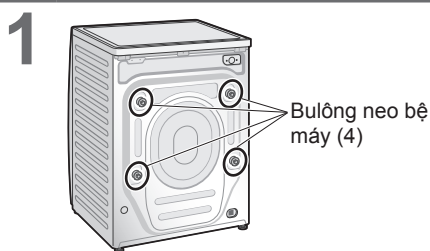


LƯU Ý

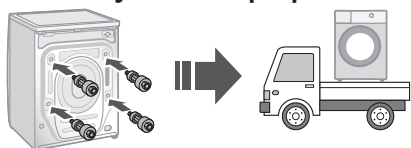


Di chuyển và Lắp đặt (tiếp)

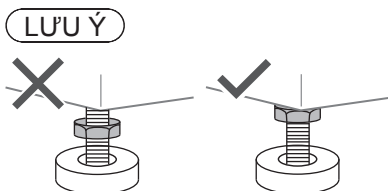
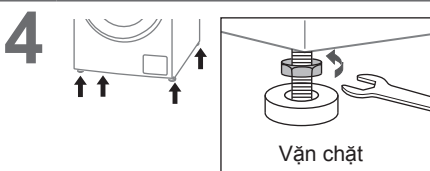
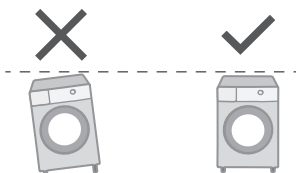
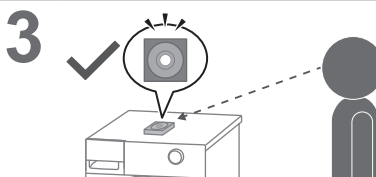
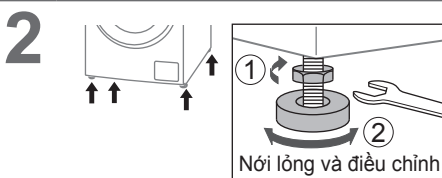
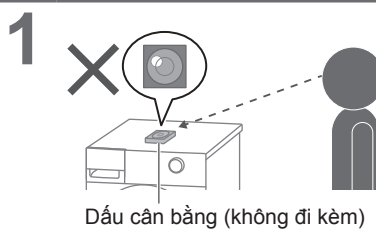
Tháo các bulông neo bệ máy



■ Di chuyển thiết bị một lần nữa



Cân bằng thiết bị



Nối đường ống (tiếp)

Ống cấp nước

■ Nối ống cấp nước



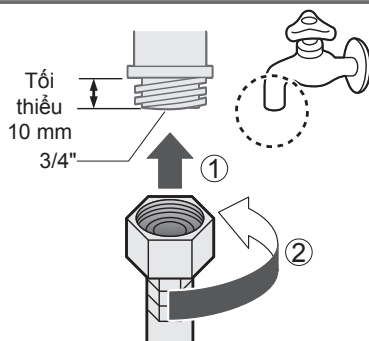
CẢNH THẬN

- Vận chặt đai ốc.
- Không được uốn cong, ép, sửa đổi hoặc cắt ống.

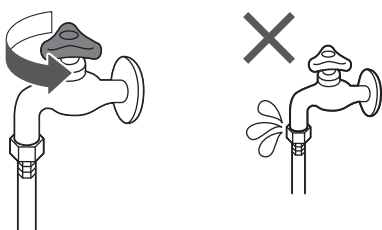
1



2



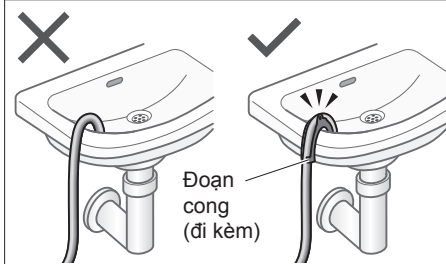
3



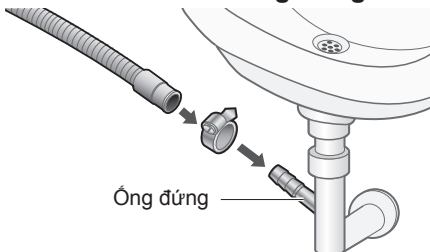
Ống xả

■ Thoát nước vào bồn rửa hoặc chậu rửa

CHÚ Ý



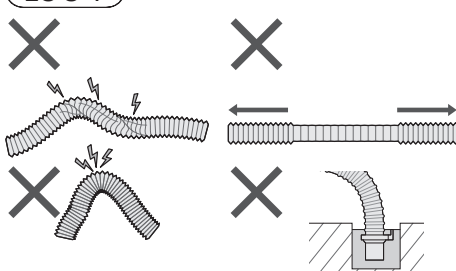
■ Thoát nước vào ống đứng



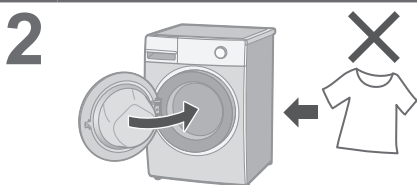
■ Thoát nước vào ống xả



LƯU Ý



Chạy thử



Kiểm tra sau khi chạy thử

Sự cố	Nguyên nhân và biện pháp
Rò rỉ nước	Nối ống cấp nước đúng cách
Âm thanh bất thường	- Tháo các bulông neo bệ máy (Tr. 40) - Lắp đặt ổn định
Lỗi hiển thị	Xem Tr. 37.

Thông số kỹ thuật

	V10FX1	V10FG1	V90FX1	V90FG1	V80FX1	V80FB1
Điện áp định mức (V)	220 - 240					
Tần số định mức (Hz)	50					
Công suất điện năng tối đa (W)	1740 - 2000					
Tốc độ vắt tối đa (r/min)	1400					
Kích thước sản phẩm (Rộng x Dài x Cao) (mm)	596 × 600 × 845					
Trọng lượng sản phẩm (kg)	74					
Khối lượng quần áo khô tối đa (kg)	10,0		9,0		8,0	
Áp suất nước máy (MPa)	0,03 - 1					